

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2021/DS-ST
Ngày 29/9/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST – DS, ngày 01 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2021/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1978; địa chỉ: khu A, thị trấn B, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Kim C, sinh năm: 1967; địa chỉ: khu C, thị trấn B, huyện G, tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày: Vào ngày 31/8/2017 bà Nguyễn Kim C có hỏi ông vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông cho bà C vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng. Khi vay hai bên có làm giấy tay mỗi bên giữ một bản. Quá

trình vay bà C không trả lãi cho ông, đã nhiều lần ông yêu cầu bà C trả gốc và lãi nhưng bà chỉ hứa mà không trả. Ông đã làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo khu phố giải quyết bà C thừa nhận số tiền vay trên và hứa sẽ trả làm hai đợt nhưng bà vẫn không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2021 và tại phiên tòa bà Nguyễn Kim C trình bày: Bà thừa nhận có hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng của ông T, lãi suất thỏa thuận 800.000 đồng/tháng, bà đóng lãi được 6.400.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn không đóng lãi cho ông T được. Bà thừa nhận có làm cam kết hứa trả ông T làm hai đợt, sau đó bà có ra khu phố trả cho ông T 20.000.000 đồng tiền lãi, ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Nay bà thừa nhận còn nợ lại của ông T 20.000.000 đồng tiền gốc và xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

{2.1} Hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Kim C được thực hiện là hợp đồng vay không kỳ hạn nhưng có lãi. Số tiền hai bên thỏa thuận vay là 20.000.000 đồng, bên bà C có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên để vay số tiền trên, đã nhiều lần ông T yêu cầu bà C trả gốc và lãi, bà C chỉ hứa mà không thực hiện. Ông T làm đơn yêu cầu khu phố hòa giải, bà C thừa nhận viết cam kết trả làm hai đợt nhưng vẫn không trả. Nhưng đến ngày 10/7/2021 bà C có đem số tiền 20.000.000 đồng trả tiền lãi cho ông T nên ông T đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Đồng thời, bà C làm cam kết còn thiếu nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng và xin trả làm hai đợt, đến hạn bà vẫn không thanh toán. Do đó, ông Tuấn khởi kiện bà C là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bà C xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên nhưng không được ông T đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên thừa nhận với nhau về số tiền vay nhưng không thỏa thuận được với nhau về cách thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi bản án có hiệu lực thi hành.

{2.2} Về lãi suất: Việc tính lãi do hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau và không yêu cầu tính toán lại. Tại phiên tòa hôm nay ông T không yêu cầu tính lãi cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí giá ngạch là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc Tu đối với bà Nguyễn Kim C.
2. Buộc bà Nguyễn Kim C trả cho ông Trần Quốc T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của ông Trần Quốc T được chấp nhận, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2404, ngày 30/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí giá ngạch là 1.000.000 đồng (một triệu) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/9/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Đương sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên